

BÁO CÁO

Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm và những nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 002227
	Ngày: 19-07-2019
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

Phần thứ nhất

**Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh
6 tháng đầu năm 2019**

I. Về phát triển kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 8,09% so với cùng kỳ năm 2018¹ (cùng kỳ tăng 7,16%); trong đó: công nghiệp - xây dựng tăng 7,65%; dịch vụ tăng 9,35%; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,43%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 9,6%².

1. Công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tiếp tục phát triển, hầu hết các doanh nghiệp đã có đơn hàng sản xuất, xuất khẩu đến hết quý III, đặc biệt một số doanh nghiệp lớn có hợp đồng đến hết năm 2019. Trong 6 tháng đầu năm 2019, bên cạnh các doanh nghiệp hoạt động sản xuất ổn định, có 604 doanh nghiệp công nghiệp mới đi vào hoạt động. Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 8,08% so với cùng kỳ năm 2018; trong đó: công nghiệp khai khoáng tăng 10,87%; công nghiệp chế biến tăng 8,02%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước tăng 23,61%; cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 3,31%.

Về hoạt động khu công nghiệp và cụm công nghiệp: Các chủ đầu tư khu công nghiệp và các nhà đầu tư thứ cấp đã triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng, nhà xưởng với tổng vốn trên 2.000 tỷ đồng (đạt 56% kế hoạch năm 2019), các khu công nghiệp đã cho thuê lại đất và nhà xưởng với tổng diện tích 170 ha, thu hút đầu tư nước ngoài đạt 1.039 triệu đô la Mỹ (chiếm 71,6% cả tỉnh). Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đã giải ngân 1.022 triệu đô la Mỹ; doanh thu đạt 15,9 tỷ đô la Mỹ; xuất khẩu đạt 10,4 tỷ đô la Mỹ (chiếm 81,3% cả tỉnh). Đã thành lập cụm công nghiệp Thanh An và Tân Thành. Đến nay, toàn tỉnh có 29 khu công nghiệp, diện tích 12.743 ha, tỷ lệ cho thuê đất đạt 82,9% và 12 cụm công nghiệp với tổng diện tích 789,91 ha, tỷ lệ cho thuê đất đạt 67,4%.

¹ Đây là mức tăng trưởng cao nhất giai đoạn 2016 – 2019 (6 tháng/2016 tăng 7,74%, 6 tháng/2017 tăng 7,65%, 6 tháng/2018 tăng 7,16%).

² Theo thông báo tại văn bản số 601/TCKT-TKQG ngày 30/5/2019 của Tổng Cục Thống kê.

Sản lượng điện thương phẩm ước đạt 6,5 tỷ KWh, tăng 11,4% so với cùng kỳ (trong đó, cung ứng cho công nghiệp chiếm 76,4%). Tiết kiệm điện 118 triệu KWh (đạt 55,8% kế hoạch năm). Lắp đặt 5.212 điện kế, xóa cầu phụ cho 2.987 hộ, duy trì tỷ lệ hộ sử dụng điện trên toàn tỉnh đạt 99,998%; các ngành, các địa phương tích cực phối hợp với ngành điện tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đầu tư các công trình điện trên địa bàn tỉnh; đồng thời tuyên truyền chính sách, kêu gọi đầu tư sử dụng điện năng lượng mặt trời.

2. Thương mại - dịch vụ, xuất nhập khẩu

a) Thương mại - dịch vụ: Thương mại nội địa hoạt động ổn định, hàng hóa trong nước chiếm thị phần lớn trên thị trường; giá cả được kiểm soát; đã triển khai nhiều chương trình xúc tiến thương mại, khuyến khích tiêu dùng và tiêu thụ hàng hóa; tổ chức triển lãm Công nghiệp và Sản xuất Việt Nam 2019. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 6 tháng đầu năm ước đạt 111.415 tỷ đồng, tăng 15,8% so với cùng kỳ; trong đó: khu vực kinh tế trong nước tăng 15,8% và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 15,6%. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng tăng 2,18% so với cùng kỳ, trong đó: hàng hóa tăng 2%, dịch vụ tăng 2,61%, giá vàng giảm 0,9%, giá Đôla Mỹ tăng 2,19%.

Các cơ quan chức năng quan tâm theo dõi tình hình cung ứng hàng hóa, bình ổn thị trường, phòng chống gian lận thương mại, hàng gian, hàng giả, kém chất lượng. Đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát 503 vụ, phát hiện 265 vụ vi phạm (chiếm 52,7%), xử phạt 2,4 tỷ đồng, tịch thu và buộc tiêu hủy hàng hóa 1,2 tỷ đồng.

b) Xuất - nhập khẩu: Kim ngạch xuất, nhập khẩu tiếp tục tăng trưởng khá, duy trì thặng dư thương mại (3,4 tỷ đô la Mỹ). Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 12,8 tỷ đô la Mỹ, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2018. Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 9,4 tỷ đô la Mỹ, tăng 7,1%.

3. Nông nghiệp: Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2018. Kết thúc vụ Đông Xuân 2019, diện tích gieo trồng các loại cây hàng năm đạt 6.816 ha, tăng 0,1% so cùng kỳ; diện tích cây công nghiệp lâu năm 142.587 ha, tăng 0,1%. Đến 01/4/2019, so với cùng kỳ: tổng đàn bò giảm 1,9%, tổng đàn heo tăng 10%, gia cầm tăng 5,7%. Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp đô thị trong chăn nuôi và trồng trọt tiếp tục phát triển³; đã sơ kết kế hoạch trồng cây xanh giai đoạn 2018-2020, tổ chức Lễ phát động Tết trồng cây 19/5 và trồng cây phân tán năm 2019.

Về bệnh dịch tả heo Châu Phi: đã xuất hiện trên địa bàn huyện Phú Giáo vào ngày 20/5/2019; đến ngày 18/7/2019, đã xảy ra bệnh dịch và có hiện tượng heo chết bất thường ở 618 hộ/trại chăn nuôi của 45 xã, phường, thị trấn/08 huyện, thị xã, thành phố (trừ huyện Dầu Tiếng), với tổng số heo chết và buộc phải tiêu hủy là 35.864 con. UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, tuyên truyền, thành lập các chốt kiểm dịch tạm thời và các tổ, đội phản ứng nhanh nhằm tập trung xử lý, khống chế dịch bệnh, hỗ trợ thiệt hại cho người chăn nuôi.

³ Toàn tỉnh có 4.894 ha trồng trọt, 128 trang trại gà, 140 trang trại heo công nghệ cao và 112 ha cây trồng, 2.870 hộ sản xuất nông nghiệp đô thị

Về Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới: Đã công nhận xã An Bình, xã Phước Hòa (huyện Phú Giáo) và xã Trừ Văn Thố (huyện Bàu Bàng) đạt chuẩn nông thôn mới; Thủ tướng Chính phủ có quyết định công nhận thị xã Bến Cát hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Đến nay 100% các xã đạt chuẩn và 03 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; huyện Phú Giáo và Bắc Tân Uyên đang lập hồ sơ đề nghị hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Các địa phương tập trung xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu và chương trình mỗi xã một sản phẩm.

4. Tài nguyên và môi trường

Đã phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các huyện, thị xã, thành phố; rà soát, kiến nghị các cơ quan Trung ương xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quản lý và sử dụng đất đai; tập trung xử lý các vướng mắc trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; rà soát hồ sơ đất đai các dự án cho các doanh nghiệp, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, khu dân cư, nhà ở thương mại; đến nay tỷ lệ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên toàn tỉnh đạt 99,81%⁴. Thực hiện các biện pháp nhằm tháo gỡ các khó khăn cho doanh nghiệp trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên vật liệu phục vụ sản xuất; theo dõi kết quả quan trắc các nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; tiếp tục chấn chỉnh công tác quản lý, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn và vùng giáp ranh; tạm ngưng hoạt động khai thác cát trên hồ Dầu Tiếng; tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường, hưởng ứng ngày Môi trường thế giới, Ngày Nước và Khí tượng thế giới năm 2019; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm gây ô nhiễm môi trường.

5. Đầu tư phát triển, đầu tư công và thu hút đầu tư

a) Đầu tư phát triển: Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước thực hiện 40.623 tỷ đồng, tăng 12,02% so với cùng kỳ; trong đó, vốn nhà nước 6.578 tỷ đồng, tăng 3,13%; vốn ngoài nhà nước 13.289 tỷ đồng, tăng 16,33%; vốn đầu tư nước ngoài 20.755 tỷ đồng, tăng 12,42%.

b) Đầu tư công (đến 30/6/2019): tổng giá trị giải ngân vốn đầu tư công là 1.632 tỷ đồng, đạt 20,9% kế hoạch năm 2019; trong đó: ngân sách địa phương đạt 20,4% kế hoạch; ngân sách trung ương đạt 31,1% kế hoạch. UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, chủ động tháo gỡ các khó khăn vướng mắc nhưng kết quả giải vốn đầu tư công vẫn chuyển biến khá chậm.

c) Đầu tư trong nước và nước ngoài:

- Đầu tư trong nước (đến 30/6/2019): Đã thu hút 31.152 tỷ đồng vốn đăng ký kinh doanh, gồm 3.172 doanh nghiệp đăng ký mới (20.298 tỷ đồng) và 464 doanh nghiệp bổ sung tăng vốn (13.684 tỷ đồng); có 25 doanh nghiệp giảm vốn (1.846 tỷ đồng) và 172 doanh nghiệp giải thể (984 tỷ đồng). Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 39.541 doanh nghiệp trong nước với tổng vốn đăng ký là 332.130 tỷ đồng.

- Đầu tư nước ngoài (đến 30/6/2019): Đã thu hút 1.450 triệu đô la Mỹ (tăng 70% so với cùng kỳ, vượt 3,6% kế hoạch), gồm 116 dự án mới (648 triệu đô la Mỹ),

⁴ Cấp cho tổ chức đạt 99,53%; cấp hộ gia đình, cá nhân đạt 99,99%.

57 dự án điều chỉnh tăng vốn (405 triệu đô la Mỹ), 268 dự án góp vốn (397,5 triệu đô la Mỹ) và 01 dự án giảm vốn (0,5 triệu đô la Mỹ). Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 3.639 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 33,76 tỷ đô la Mỹ.

d) Tổ hợp tác, hợp tác xã: Thành lập 06 hợp tác xã, vốn điều lệ 7,1 tỷ đồng; giải thể 03 hợp tác xã. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 137 tổ hợp tác và 163 hợp tác xã.

đ) Công tác cổ phần hóa và sắp xếp doanh nghiệp nhà nước: Hoàn tất công tác cổ phần hóa đối với Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ và Công ty In Tổng hợp Bình Dương; tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ và Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp (Becamex IDC).

6. Về Quy hoạch và Phát triển đô thị: Tập trung thực hiện Chương trình Phát triển đô thị Tỉnh, đô thị Thủ Dầu Một và nâng cấp đô thị các huyện, thị xã; đã tổ chức công bố Bản Cát và Tân Uyên đạt đô thị loại III trực thuộc tỉnh; rà soát, điều chỉnh các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu⁵; quan tâm chấn chỉnh, xử lý các vi phạm trật tự đô thị, chống ngập, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tập trung đầu tư chỉnh trang công viên, trồng mới, thay thế cây xanh, công trình công cộng. Trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 21 dự án nhà ở thương mại, với tổng diện tích sử dụng đất 64,6 ha, thu hồi chủ trương một số dự án chậm triển khai; lũy kế đến nay đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 381 dự án nhà ở, diện tích sử dụng đất 5.933 ha, đạt 67,3% kế hoạch chương trình phát triển nhà ở của tỉnh.

Triển khai thực hiện kế hoạch Đề án thành phố thông minh năm 2019 với những đề tài, dự án và hành động cụ thể; nhiều tổ chức, các nhân trong và ngoài nước quan tâm tìm hiểu nội dung, cơ hội tham gia thực hiện.

7. Giao thông Vận tải: Tăng cường đảm bảo trật tự an toàn giao thông; chấn chỉnh hoạt động các bến bãi; thường xuyên duy tu, sửa chữa các điểm, khu vực xảy ra ùn tắc, ngập úng và tai nạn giao thông. Tiếp tục triển khai các đề án, dự án, quy hoạch đã được phê duyệt như: triển khai thực hiện thu phí sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử tự động không dừng; thí điểm lắp đặt camera quan sát kết hợp cân tải trọng, tốc độ; sắp xếp các trạm thu phí; hoàn thiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án cải tạo hạ tầng giao thông công cộng tại tỉnh. Dịch vụ vận tải tiếp tục phát triển, đáp ứng được nhu cầu đi lại, vận chuyển của người dân, doanh nghiệp, nhất là trong các dịp lễ, tết, ngày nghỉ; doanh thu dịch vụ vận tải ước tăng 10,6% so với cùng kỳ.

8. Tài chính – Tín dụng

a) Ngân sách: Thu ngân sách ước thực hiện 28.600 tỷ đồng⁶, đạt 52% dự toán Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, tăng 16% so với cùng kỳ, trong đó: thu nội địa 21.200 tỷ đồng, đạt 53% dự toán, tăng 18%; thu thuế xuất nhập khẩu 7.400 tỷ đồng, đạt 51% dự toán, tăng 10%. Tổng chi ngân sách ước thực hiện 5.100 tỷ đồng, đạt

⁵ Đến nay, 100% các quy hoạch: chung đô thị, chung thị trấn, phân khu các phường, nông thôn mới được phê duyệt.

⁶ Chưa bao gồm nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu.

27% dự toán, tăng 8% so với cùng kỳ; trong đó, chi đầu tư phát triển chiếm 31,7% tổng chi. Tổng nợ đọng thuế đến 30/6/2019 là 2.703 tỷ đồng; trong đó nợ có khả năng thu là 1.870 tỷ đồng, bằng 4,72% dự toán thu ngân sách nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao (chỉ tiêu phân đầu dưới 5%).

b) Tín dụng: Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn ước đạt 181 ngàn tỷ đồng, tăng 2,52% so với đầu năm và tăng 4,56% so với cùng kỳ. Dự nợ cho vay ước đạt 182 ngàn tỷ đồng, tăng 3,15% so với đầu năm và tăng 7,13% so với cùng kỳ. Nợ xấu là 1.146 tỷ đồng, chiếm 0,63% tổng dư nợ.

II. Văn hóa – Xã hội

1. Thực hiện công tác đảm bảo an sinh xã hội

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội được quan tâm; các chế độ, chính sách cho người có công, đối tượng xã hội, người nghèo và công nhân lao động trong dịp Tết được triển khai thực hiện chu đáo, kịp thời⁷; tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, đến nay tỉnh còn 4.546 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 1,56%) và 2.924 hộ cận nghèo (chiếm tỷ lệ 1,01%) theo tiêu chí đa chiều của tỉnh. Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của tỉnh là 2.411.694 nhân khẩu.

Đã triển khai thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với người lao động; quan tâm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; triển khai Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2019; phát hiện, nắm tình hình và phối hợp xử lý 12 vụ đình công tại 11 doanh nghiệp; có 4.243 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng 96.919 lao động, đã tư vấn giới thiệu việc làm cho 54.175 người, tạo việc làm tăng thêm cho 20.502 người (đạt 45,6% kế hoạch).

Tiếp nhận và giải quyết 65.070 hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, trong đó trợ cấp thất nghiệp là 29.343 hồ sơ với số tiền 433 tỷ đồng (*so với cùng kỳ, tăng 5.520 hồ sơ trợ cấp thất nghiệp, số tiền tăng 107 tỷ đồng*).

2. Giáo dục – Đào tạo: Tập trung hướng dẫn tuyển sinh và tổ chức kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông quốc gia đảm bảo an toàn, nghiêm túc và đúng quy chế, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 95,05%⁸. Tổng kết năm học 2018-2019, toàn tỉnh có 654 cơ sở giáo dục (tăng 26 cơ sở so với năm học trước), tỷ lệ trường công lập được lâu hóa đạt 79,63%, tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia là 71,08%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,99%; tỷ lệ học sinh xếp loại khá, giỏi cấp trung học cơ sở đạt 54,88% và trung học phổ thông đạt 59,84%, đạt 29 giải học sinh giỏi toàn quốc năm 2019⁹; chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ, giáo viên cho năm học 2019-2020.

3. Chăm sóc sức khỏe nhân dân: Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ở các tuyến được đảm bảo; đã triển khai các chiến dịch truyền thông, tổng vệ sinh môi trường, giám sát, phòng chống các loại dịch bệnh; tổ chức Tháng hành động về

⁷ Tỉnh đã huy động nhiều nguồn để chăm lo an sinh xã hội (trong dịp Tết đã chi 499,5 tỷ đồng); xây dựng 06 căn và sửa chữa 03 căn nhà tình nghĩa (600 triệu đồng) và hỗ trợ xây dựng 61 căn nhà đại đoàn kết (hơn 4,8 tỷ đồng).

⁸ Khối công lập đạt 98,49%, ngoài công lập đạt 99,48% và giáo dục thường xuyên đạt 74,25%.

⁹ Gồm: 01 giải Nhất, 04 giải Nhì, 08 giải Ba và 16 giải Khuyến khích, tăng 5 giải so với năm 2018, đây là lần đầu tiên tỉnh có 01 học sinh đạt giải nhất.

an toàn vệ sinh thực phẩm. Trong 6 tháng, phát hiện 1.188 ca mắc bệnh tay chân miệng (tăng 333 ca so với cùng kỳ); 2.741 ca sốt xuất huyết (tăng 490 ca), 02 ca sốt rét (giảm 41 ca). Tiếp tục phát triển bảo hiểm y tế theo hộ gia đình, đến nay tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 86,19%.

4. Văn hoá, thể thao và du lịch

Tuyên truyền, cổ động và tổ chức các hoạt động chào mừng năm mới và các ngày Lễ, kỷ niệm lớn của đất nước và các sự kiện chính trị của địa phương; các thiết chế văn hóa, thể thao và di tích từ cấp tỉnh đến cơ sở tiếp tục được quan tâm đầu tư xây dựng, trùng tu, tôn tạo và khai thác; Thủ tướng Chính phủ công nhận hiện vật khảo cổ “Mộ chum gỗ nắp trống đồng” tại xã Phú Chánh (thị xã Tân Uyên) là bảo vật quốc gia; các Lễ hội được tổ chức chu đáo, đúng quy định, tạo nét đẹp văn hoá, nhiều ý nghĩa của địa phương, nhất là lễ hội Chùa Bà – Rằm Tháng giêng; Lễ hội Lái Thiêu mùa trái chín 2019.

Thể thao phong trào tiếp tục phát triển; thể thao thành tích cao đạt được nhiều huy chương tại các giải thi đấu trong nước và quốc tế; công tác xúc tiến, quảng bá du lịch được đẩy mạnh; ước tổng lượt khách du lịch đến tỉnh đạt 3,1 triệu lượt, tăng 6,9% so với cùng kỳ; doanh thu đạt 850 tỷ đồng, tăng 8,9% (đạt 59,8% kế hoạch).

5. Thông tin - truyền thông, Khoa học - công nghệ: Các cơ quan Báo, Đài kịp thời phát sóng, đưa tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh, ý nghĩa các ngày lễ, kỷ niệm; kiểm soát thông tin báo chí; thí điểm triển khai tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại cấp phường thuộc thành phố Thủ Dầu Một; gửi nhận văn bản trên trực liên thông văn bản quốc gia theo chỉ đạo của Chính phủ. Triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ đảm bảo tiến độ và chất lượng. Đã nghiệm thu 04 đề tài và bàn giao cho đơn vị thụ hưởng 06 đề tài; tổ chức nhiều hội thảo trên lĩnh vực khoa học và công nghệ; tích cực triển khai thành lập Trung tâm sáng kiến cộng đồng và hỗ trợ khởi nghiệp.

III. Nội chính

1. Công tác tư pháp

Tiếp tục thực hiện tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua ứng dụng công nghệ thông tin; phối hợp cùng đài truyền thanh cấp huyện thực hiện chương trình tuyên truyền “Người dân và pháp luật”; sơ kết 5 năm thực hiện Hiến pháp năm 2013; kiểm tra, rà soát, công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa 2014 – 2018.

Ngành thi hành án dân sự tỉnh tập trung rà soát và tổ chức thi hành các bản án, quyết định có điều kiện; thụ lý 19.525 vụ việc, đã giải quyết đạt tỷ lệ 49,98% về số vụ việc và đạt 10,09% về giá trị.

2. Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng

Toàn ngành Thanh tra triển khai 23 cuộc thanh tra hành chính tại 71 đơn vị và 346 cuộc thanh, kiểm tra chuyên ngành tại 3.378 đơn vị, tổ chức, cá nhân. Qua thanh tra hành chính phát hiện 13 đơn vị, tổ chức sai phạm với số tiền 25,4 tỷ đồng; kiến nghị xử lý hành chính 10 tổ chức và 5 cá nhân. Về thanh tra chuyên ngành, đã

ban hành 1.561 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 22,4 tỷ đồng. Tiếp tục theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện 14 kết luận sau thanh tra.

Công tác phòng, chống tham nhũng được quan tâm chỉ đạo, các giải pháp phòng ngừa được triển khai thực hiện đồng bộ; tổng hợp đánh giá kết quả kê khai minh bạch tài sản và thu nhập năm 2018 của cán bộ, công chức thuộc diện kê khai; kiểm tra, thanh tra trách nhiệm về phòng chống tham nhũng được 04 cuộc với 24 đơn vị (cấp tỉnh: 02 cuộc, 17 đơn vị; cấp huyện: 02 cuộc, với 07 đơn vị).

Tiếp tục rà soát các vụ việc khiếu nại phức tạp, đông người và kéo dài; nắm bắt tình hình, xử lý kịp thời các vụ việc mới phát sinh; thanh tra, làm rõ những vấn đề báo chí, nhân dân phản ánh, có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Toàn tỉnh đã tổ chức tiếp 2.731 lượt công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; tiếp nhận 1.127 đơn thuộc thẩm quyền, đã giải quyết 1.080 vụ, đạt tỷ lệ 95,8%.

3. Tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính các cấp; 07/18 sở ngành thực hiện sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy theo đề án của Tỉnh ủy; tổ chức thi tuyển chức danh lãnh đạo sở: Xây dựng, Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, một số chức danh trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương của các sở, ngành và cấp huyện; chuẩn bị kế hoạch thi tuyển công chức và xét tuyển viên chức năm 2019; phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019; chấm điểm chỉ số cải cách hành chính ở các sở, ngành, địa phương năm 2018; triển khai các giải pháp cải thiện các tiêu chí của các bộ chỉ số đo lường năng lực quản lý hành chính của tỉnh năm 2018¹⁰.

Lĩnh vực dân tộc, tôn giáo: Tổ chức họp mặt các tôn giáo, cộng đồng người Hoa nhân dịp Tết nguyên đán; các hoạt động và sinh hoạt tôn giáo đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật, đồng bào các dân tộc và cộng đồng giáo dân tham gia tích cực vào các hoạt động phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

4. Công tác đối ngoại: Được triển khai tích cực góp phần thắt chặt mối quan hệ hợp tác của tỉnh với các địa phương, đối tác nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, đẩy mạnh kinh tế đối ngoại và giao lưu văn hóa; tiếp tục chấn chỉnh công tác quản lý cán bộ, công chức đi nước ngoài. Trong 6 tháng đã tiếp và làm việc với 26 đoàn cấp cao của các quốc gia, địa phương nước ngoài, các doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế; cử 38 đoàn (có 04 đoàn đi bằng ngân sách nhà nước), với 136 lượt người đi công tác nước ngoài; cho phép 91 cán bộ, công chức đi nước ngoài về việc riêng; chuẩn bị tổ chức Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Horasis 2019.

5. Quốc phòng - an ninh

Công tác quân sự - quốc phòng tiếp tục được tập trung chỉ đạo: tổ chức thực hiện công tác quốc phòng địa phương năm 2019, tập huấn Luật Quốc phòng, xử lý

¹⁰ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2018 xếp hạng 06/63 tỉnh, thành phố (tăng 08 bậc so với năm 2017); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh xếp thứ 39/63 tỉnh, thành phố (tăng 23 bậc); chỉ số cải cách hành chính đứng thứ 15/63 tỉnh, thành phố (giảm 08 bậc).

đất quốc phòng theo Nghị định số 167/NĐ-CP ngày 31/12/2017 về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công...; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục giữ vững và ổn định, bảo vệ an toàn tuyệt đối các lễ hội và sự kiện quan trọng; chủ động theo dõi, nắm tình hình, kịp thời triển khai phương án xử lý hiệu quả, dứt điểm các hành vi, hoạt động vi phạm pháp luật về an ninh trật tự; công tác tuyển chọn, gọi thanh niên nhập ngũ đầu năm 2019 đạt 100% chỉ tiêu (1.550 quân); chủ động triển khai phương tiện, lực lượng kịp thời chữa cháy, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, hạn chế thiệt hại về người và tài sản.

Tổ chức tuần tra vũ trang được 11.895 cuộc, qua đó giải tán 2.525 đám đông tụ tập về khuya, phát hiện 602 vụ, với 2.709 đối tượng vi phạm pháp luật.

Về phạm pháp trật tự xã hội: xảy ra 434 vụ, tăng 116 vụ so với cùng kỳ; trong đó, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng là 59 vụ (tăng 05 vụ), ít nghiêm trọng và nghiêm trọng là 375 vụ (tăng 111 vụ); đã điều tra làm rõ 378 vụ, đạt 87,1%, bắt 482 đối tượng. Phạm pháp kinh tế phát hiện 385 vụ, tăng 101 vụ so với cùng kỳ, với 381 đối tượng. Phạm pháp ma túy phát hiện 312 vụ, tăng 13 vụ, xử lý 509 đối tượng.

Về tai nạn giao thông (Ban An toàn giao thông báo cáo): xảy ra 731 vụ, giảm 185 vụ so với cùng kỳ, thiệt hại: làm chết 133 người (giảm 02 người), bị thương 777 người (giảm 176 người)¹¹.

Về cháy nổ; cứu hộ, cứu nạn: đã xảy ra 19 vụ cháy, tăng 03 vụ so với cùng kỳ (*chưa kể các vụ cháy nhỏ, phát hiện dập tắt kịp thời*); thiệt hại: 01 người chết (giảm 02 người); 03 người bị thương (tăng 02 người), thiệt hại tài sản khoảng 43,6 tỷ đồng; thực hiện 21 vụ cứu nạn, cứu hộ¹².

*** Đánh giá:**

Trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh tập trung triển khai quyết liệt các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy và HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; đã hoàn thành tốt công tác điều tra dân số và nhà ở năm 2019 đạt 100% kế hoạch, tổng kết một số Chương trình đột phá của Tỉnh ủy trong giai đoạn 2016-2020; hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu tăng trưởng cao so với cùng kỳ, dự kiến tỉnh sẽ hoàn thành đạt và vượt 31/31 chỉ tiêu kế hoạch năm 2019; đặc biệt đến nay một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đã đạt và vượt kế hoạch 5 năm 2016-2020 (*phụ lục kèm theo*).

- Công nghiệp, thương mại, dịch vụ tiếp tục đà tăng trưởng; thị trường xuất khẩu được mở rộng và duy trì thặng dư thương mại, hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới cấp xã; công tác quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy rừng, phòng chống lụt bão được quan tâm.

- Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, số lượng doanh nghiệp đăng ký mới, đi vào hoạt động, thu hút đầu tư nước ngoài tăng cao; thu ngân sách

¹¹ Cập nhật so sánh số liệu an toàn giao thông 6 tháng năm 2018 theo báo cáo số 61/BC-UBATGTQG ngày 13/02/2019 của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia.

¹² Số liệu an ninh trật tự, cháy nổ được thống kê từ 15/12/2018 đến 14/6/2019 theo quy định mới của Bộ Công an.

tăng khá; chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được triển khai theo lộ trình. Nợ xấu ngân hàng được kiểm soát.

- Công tác quản lý trật tự đô thị được chấn chỉnh, tiếp tục nâng cao các tiêu chí đô thị; trật tự an toàn giao thông được tăng cường, tai nạn giao thông giảm 3/3 tiêu chí.

- Các chế độ, chính sách cho các đối tượng được thực hiện đầy đủ, kịp thời; chất lượng và kết quả giáo dục, đào tạo ngày càng được củng cố và từng bước nâng cao; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm; hoạt động văn hóa lễ hội, thể dục, thể thao, thông tin tuyên truyền được tổ chức chu đáo.

- Các chỉ số năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, kết quả đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh được cải thiện và tăng hạng; giải quyết dứt điểm một số vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài; thực hiện đối thoại trong giải quyết đơn mang lại hiệu quả, ý nghĩa cho xã hội; mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế tiếp tục được duy trì và mở rộng.

- Chủ động tổ chức nắm tình hình, xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, giữ vững ổn định; hoàn thành tốt chỉ tiêu giao quân năm 2019.

Nguyên nhân đạt được các kết quả:

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương, Tỉnh ủy, giám sát của HĐND tỉnh; UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo, điều hành, xử lý các nhiệm vụ phát sinh, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

- Các sở, ngành thường xuyên theo dõi, bám sát địa phương; nắm bắt những khó khăn của doanh nghiệp, nguyện vọng của nhân dân,...kịp thời tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Các sở, ngành đã chủ động, tích cực tham mưu và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; nhất là chủ động trong việc đảm bảo an ninh trật tự, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh; tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Trung ương xem xét, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc đối với những vấn đề cụ thể của tỉnh.

- Các chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh được quan tâm rà soát, sửa đổi, bổ sung, đảm bảo phù hợp với quy định và tình hình thực tế.

Những khó khăn, tồn tại:

- Khối lượng thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp so với kế hoạch năm; sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp còn khó khăn, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Giá mủ cao su vẫn ở mức thấp, dịch tả heo Châu Phi, thời tiết nắng nóng đã ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân khu vực nông thôn; xử lý các tồn đọng và chỉnh trang các khu dân cư tự phát trước đây của các ngành và

địa phương còn chậm, một số công trình giao thông đang dở chậm xử lý dứt điểm; các vi phạm về môi trường, xây dựng sai phép, trái phép, lấn chiếm, tái lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ, đường thủy còn xảy ra tại một số khu vực.

- Dân số tăng cơ học nhanh chóng tiếp tục gây áp lực cho các ngành, địa phương, nhất là ngành giáo dục, y tế và công tác đảm bảo an ninh trật tự xã hội; tình hình dịch bệnh truyền nhiễm, tai nạn lao động tăng so với cùng kỳ; việc triển khai xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông trong quản lý nhà nước còn hạn chế, dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 chưa nhiều.

- Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế còn chậm; các loại tội phạm tăng so với cùng kỳ, xảy ra một số vụ trọng án giết người; tình trạng vi phạm quy định an toàn giao thông còn nhiều, xảy ra ùn tắc giao thông tại một số tuyến đường trọng điểm; tình hình cháy nổ diễn biến phức tạp và tăng so với cùng kỳ.

Nguyên nhân chủ yếu của những khó khăn:

- Một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động, linh hoạt trong phối hợp để giải quyết các vấn đề theo thẩm quyền; nhiều nội dung thuộc thẩm quyền xử lý của địa phương hoặc phối hợp xử lý giữa địa phương với sở, ngành nhưng vẫn còn chờ chỉ đạo từ UBND tỉnh.

- Công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc công việc của một số sở, ngành, địa phương chưa thật thường xuyên; chậm xử lý các tồn tại, hạn chế mặc dù đã có ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Chậm ban hành các chính sách theo quy định của Trung ương để cải thiện môi trường sản xuất kinh doanh, khuyến khích doanh nghiệp (chuyển đổi ngành nghề, hạn chế ô nhiễm môi trường, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khoa học công nghệ,...).

- Tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới và khu vực diễn biến bất thường ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

Phần thứ hai

Nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019; ngoài các nhiệm vụ thường xuyên, trong 6 tháng cuối năm cần tập trung thực hiện một số nội dung trọng tâm sau đây:

1. Khẩn trương triển khai thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao; rà soát, đánh giá, có giải pháp chấn chỉnh và khắc phục nhanh các hạn chế, tồn tại, yếu kém, nâng cao chất lượng các chỉ tiêu dự kiến đạt và vượt kế hoạch, phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2019; chuẩn bị tốt các nội dung trình các kỳ họp HĐND tỉnh; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; tổng kết một số Chương trình đột phá của Tỉnh ủy.

2. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp¹³; thực hiện đối thoại, gặp gỡ doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, hiệp hội doanh nghiệp để giải quyết khó khăn, vướng mắc; chuẩn bị các điều kiện thu hút dự án mới, nhất là quỹ đất sạch ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được phê duyệt.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh; chống gian lận thương mại; bình ổn thị trường; thực hành tiết kiệm điện, đảm bảo cung ứng đủ điện cho sinh hoạt, sản xuất; tăng cường kiểm tra, kiểm soát kinh doanh xăng dầu, hóa chất.

4. Phòng, chống bệnh trên cây trồng, vật nuôi, nhất là bệnh tả heo Châu Phi, hướng dẫn tái đàn vào thời điểm thích hợp; phòng chống lụt bão, cứu hộ, cứu nạn; nâng chất các tiêu chí đã đạt chuẩn nông thôn mới. Tiếp tục tháo gỡ vướng mắc trong đền bù giải tỏa; tăng cường quản lý đất đai, hạn chế gia hạn đối với các dự án sản xuất công nghiệp ngoài khu, cụm công nghiệp khu vực phía Nam, dành quỹ đất cho phát triển dịch vụ; xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường, hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

5. Điều hành ngân sách theo dự toán, đảm bảo hoàn thành kế hoạch ngân sách được giao, đôn đốc thu hồi nợ đọng; kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2019 và nguồn vốn được bổ sung; chuẩn bị khởi công, khánh thành một số công trình trọng điểm, có ý nghĩa; thực hiện các giải pháp, phấn đấu hoàn thành dự án: bệnh viện đa khoa 1.500 giường và khu tường niệm chiến khu D trong năm 2020; xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025.

6. Tăng cường quản lý trật tự đô thị, chỉnh trang, nâng cao các tiêu chí đô thị; chấn chỉnh công tác quy hoạch xây dựng, quản lý phát triển đô thị; rà soát tiến độ triển khai các dự án đô thị, nhà ở thương mại. Thực hiện hiệu quả các dự án đã được phê duyệt thuộc Đề án thành phố Thông minh. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình giao thông, nhất là các tuyến giao thông trọng điểm, công trình dở dang; thông qua quy hoạch bến xe mới; nghiên cứu phát triển các dự án trên các tuyến sông.

7. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; rà soát chính sách người có công, kỷ niệm ngày 27/7; quan tâm giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm, an toàn vệ sinh lao động, kịp thời giải quyết các vụ đình công.

Tổ chức các hoạt động hè thiết thực, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; chuẩn bị trường lớp, trang thiết bị dạy và học, đội ngũ giáo viên phục vụ khai giảng năm học mới 2019-2020.

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ khám, điều trị của các bệnh viện công lập; tăng cường quản lý nhà nước về y tế, đảm bảo chất lượng khám chữa bệnh cho người dân, phòng chống dịch bệnh;

¹³ Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển sang doanh nghiệp, doanh nghiệp di dời, đầu tư vào các khu công nghiệp và cụm công nghiệp; lập đề án xây dựng một số khu công nghiệp công nghệ cao tại huyện Bàu Bàng; khu, cụm công nghiệp hỗ trợ, phục vụ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa

tăng cường kiểm tra giám sát, bảo đảm an toàn thực phẩm; sớm đưa vào hoạt động bệnh viện chuyên khoa lao và bệnh viện tâm thần; thực hiện chương trình Sức khỏe Việt Nam.

8. Triển khai các hoạt động chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm; khai thác và sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao cấp cơ sở; nâng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; đưa vào hoạt động Trung tâm sáng kiến cộng đồng và hỗ trợ khởi nghiệp.

9. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị; triển khai phong trào cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở giai đoạn 2019 – 2025; rà soát chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhất là các đối tượng làm việc được hỗ trợ từ ngân sách và cấp xã; khẩn trương thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy theo đề án đã phê duyệt¹⁴; nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính; tổ chức thi tuyển công chức và xét tuyển viên chức năm 2019; hoàn thiện hồ sơ lập đề án thành lập thành phố Thuận An và thành phố Dĩ An. Thực hiện nghiêm các kết luận sau thanh tra; giải khiếu nại, tố cáo; nâng tỷ lệ thi hành án cả về số việc và giá trị.

10. Thực hiện các giải pháp nắm tình hình, phối hợp các lực lượng sẵn sàng xử lý kịp thời các tình huống; chuẩn bị diễn tập khu vực phòng thủ có thực binh tại thị xã Tân Uyên và huyện Bắc Tân Uyên; sơ kết 10 năm nền quốc phòng toàn dân giai đoạn 2009-2019; thông qua 02 đề án: xây dựng đại đội Dân quân Thường trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tăng cường quản lý nhân hộ khẩu, thực hiện các biện pháp phòng, chống các loại tội phạm, cháy nổ và cứu nạn, cứu hộ; giảm tai nạn giao thông. Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại; tổ chức thành công Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á – Horasis 2019./. 

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục II, Vụ Tổng hợp), Q/Khu 7;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, TT.HĐND;
- CT, PCT và các Thành viên UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy và các Ban Đảng; VP HĐND tỉnh;
- Đảng ủy: Khối Cơ quan Tỉnh, Khối doanh nghiệp;
- UB.MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các ban, ngành, Website Bình Dương;
- UBND các huyện, thị xã, TP.TDM;
- LĐVP, các phòng, trung tâm, TH(2);
- Lưu VT./. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

¹⁴ UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh giảm 13 chỉ tiêu làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 so với số người làm việc được HĐND tỉnh giao theo NQ số 29/NQ-HĐND ngày 30/11/2018.


KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG 2019
(Kèm theo Báo cáo số 196/BC-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng 2018	6 tháng 2019	Kế hoạch 2019
I. KINH TẾ					
1	Tổng GRDP của tỉnh	%	7,16	8,09	8,5-8,7
	Công nghiệp - xây dựng	%	7,46	7,65	
	Dịch vụ	%	6,44	9,35	
	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	3,37	3,43	
	Thuế sản phẩm	%	8,47	9,60	
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	8,00	8,08	9,00
	Sản lượng điện thương phẩm	Tỷ KWh	5,90	6,50	
	Tốc độ tăng	%	13,70	11,40	
	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	99,99	99,998	99,99
3	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	92.211,2	111.415,0	
	So cùng kỳ	%	17,0	15,8	18,0
	Chỉ số giá tiêu dùng so tháng 12 năm trước	%	2,21	1,36	
	Chỉ số giá tiêu dùng bình quân	%	2,57	2,18	
4	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	11.152,4	12.845,0	
	So cùng kỳ	%	16,7	13,5	15,5
	Tốc độ tăng khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	%	19,1	14,7	
5	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	8.662,3	9.422,0	
	So cùng kỳ	%	17,1	7,1	15,0
6	Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	5.778,3	5.983,8	
	So cùng kỳ	%	3,5	3,5	4,0
	Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm	Ha	6.892,0	6.816,0	
	So cùng kỳ	%	0,23	0,10	
	Tổng diện tích gieo trồng cây lâu năm	Ha	142.428,00	142.587,00	
	So cùng kỳ	%	0,53	0,10	
7	Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	%	99,81	99,81	
	Tỷ lệ cấp cho tổ chức	%	99,53	99,53	
	Tỷ lệ cấp cho hộ gia đình, cá nhân	%	99,99	99,99	
8	Tổng vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng	33.272,0	40.623,0	
	So cùng kỳ	%	11,1	12,02	10,02
9	Tổng giá trị cấp phát đầu tư XDCB	Tỷ đồng	1.801,0	1.632,0	
	So với kế hoạch	%	24,1	20,9	
10	Đầu tư trong nước - Dự án mới	Dự án	2.762	3.172	
	Vốn	Tỷ đồng	19.651	20.298	
	Dự án điều chỉnh tăng vốn	Dự án	550	464	
	Vốn	Tỷ đồng	12.886	13.684	
	Dự án giảm vốn	Dự án	16	25	
	Vốn	Tỷ đồng	-384	-1.846	
	Dự án giải thể	Dự án	126	172	
	Vốn	Tỷ đồng	-530	-984	
	Tổng vốn đầu tư 6 tháng	Tỷ đồng	28.923	31.152	
	Lũy kế đến nay - Dự án	Dự án	33.548	39.541	
	Vốn	Tỷ đồng	266.134	332.130	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng 2018	6 tháng 2019	Kế hoạch 2019
11	Đầu tư nước ngoài - Dự án mới	Dự án	98	116	
	Vốn	Triệu USD	492	648	
	Dự án điều chỉnh tăng vốn	Dự án	52	57	
	Vốn	Triệu USD	263	405	
	Dự án góp vốn	Dự án	62	268	
	Vốn	Triệu USD	114	397,5	
	Dự án điều chỉnh giảm vốn	Dự án	2	1	
	Vốn	Triệu USD	-15	-0,5	
	Tổng vốn đầu tư 6 tháng	Triệu USD	854	1.450	>1.400
	Lũy kế đến nay - Dự án	Dự án	3.397	3.639	
	Vốn	Tỷ USD	30,96	33,76	
12	Thu ngân sách	Tỷ VNĐ	24.600,0	28.600,0	54.500,0
	Thu nội địa	Tỷ VNĐ	18.000,0	21.200,0	40.000,0
	Thu xuất nhập khẩu	Tỷ VNĐ	6.600,0	7.400,0	14.500,0
	Nợ đọng thuế	Tỷ VNĐ	2.589,0	2.996,0	
	Chi ngân sách	Tỷ VNĐ	4.800,0	5.100,0	19.000,0
13	Tổng vốn huy động tín dụng	Tỷ đồng	172.731,0	181.255,0	
	So cùng kỳ	%	11,34	4,56	
	Tổng dư nợ cho vay	Tỷ đồng	164.087,00	182.265,00	
	So cùng kỳ	%	15,99	7,13	
	Nợ xấu	Tỷ đồng	960,0	1.146,0	
II. VĂN HÓA - XÃ HỘI					
14	Số vụ tranh chấp lao động tập thể	Vụ	10	12	
	Số hồ sơ xin hưởng trợ cấp thất nghiệp được duyệt	Hồ sơ	23.823	29.343	
	Tổng số tiền chi trả	Tỷ đồng	326,0	433,0	
	Giải quyết việc làm mới	người	25.110,0	20.502,0	45.000,0
	Đạt so với kế hoạch	%	55,2	45,6	
15	Số đơn vị, trường học	Đơn vị	628,0	654,0	
	Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia	%	67,8	71,08	
16	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	85,07	86,19	89,0
	Mắc mới sốt xuất huyết	ca	2.251,0	2.741,0	
	So với cùng kỳ	%	-58	490	
	Mắc mới tay - chân - miệng	ca	855,0	1.188,0	
	So với cùng kỳ	%	58,0	333	
	Bệnh sốt rét	ca	43,0	2,0	
	So với cùng kỳ	%	27,0	-41	
17	Tổng lượt khách du lịch	ngàn lượt người	2.900	3.100	
	So với cùng kỳ	%	7,4	6,9	
18	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3		311,0	304,0	
	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4		12,0	17,0	
III. NỘI CHÍNH					
19	Tuyên truyền giáo dục pháp luật	Cuộc	3.623,0	3.932,0	
	Số lượt người tham dự	Ngàn lượt	143,0	184,0	
	Trợ giúp pháp lý	Vụ, việc	243,0	263,0	
	Thụ lý đơn hòa giải cơ sở	Đơn	275,0	237,0	
	Hòa giải thành	Đơn	219,0	184,0	
	Đạt tỷ lệ	%	83,9	79,6	
	Thi hành án dân sự	Việc	19.506,0	19.525,0	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng 2018	6 tháng 2019	Kế hoạch 2019
20	Số có điều kiện thi hành	Việc	16.081,0	15.643,0	
	Đã giải quyết xong	Việc	7.981,0	7.818,0	
21	Số đơn KN, TC, PA tiếp nhận và xử lý	Đơn	1.303,0	1.127,0	
	Tỷ lệ giải quyết	%	97,85	95,80	
	Số lượt tiếp công dân	Lượt	2.826	2.731	
	Số lượt thanh, kiểm tra	Cuộc	644	369	
22	Phạm pháp về trật tự xã hội	Vụ	353	434	
	So với cùng kỳ	Vụ	-43	116	
	Phạm pháp về kinh tế	Vụ	302	385	
	So với cùng kỳ	Vụ	-48	101	
	Phạm pháp về ma túy	Vụ	267	312	
	So với cùng kỳ	Vụ	56	13	
23	Số vụ Tai nạn giao thông	Vụ	916	731	
	So với cùng kỳ	Vụ	-68	-185	
	Số người chết	người	135	133	
	So với cùng kỳ	người	-6	-2	
	Số Người bị thương	người	953	777	
	So với cùng kỳ	người	-111	-176	
	Số vụ cháy	Vụ	16	19	
	So với cùng kỳ	Vụ	6	3	
	Số người chết	người	3	1	
	Thiệt hại về tài sản	Tỷ đồng	70,80	43,60	

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU 6 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số 196/BC-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Dương)

	Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	KH năm 2019	6 tháng 2019	Ước TH 2019	So với KH 2019
I	Các chỉ tiêu kinh tế						
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng	%	9,01	8,5-8,7	8,09	8,5	Đạt
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	130,8	140,6		140,6	Đạt
3	Cơ cấu kinh tế						Đạt
	- Công nghiệp	%	63,87	63,7		63,7	
	- Dịch vụ	%	23,94	25,00		25,00	
	- Nông - lâm nghiệp - thủy sản	%	3,08	3,20		3,20	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	9,11	8,10		8,10	
4	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng	%	9,79	9,5	8,08	9,5	Đạt
5	Giá trị gia tăng ngành dịch vụ tăng	%	10,3	10,6	9,35	10,6	Đạt
6	Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng	%	3,6	4,0	3,5	4,0	Đạt
7	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tăng	%	18,0	18,0	15,8	18,0	Đạt
8	Kim ngạch xuất khẩu tăng	%	15,6	15,5	13,5	15,5	Đạt
9	Kim ngạch nhập khẩu tăng	%	18,6	15,0	7,1	15,0	Đạt
10	Tổng thu sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	50.369,0	54.500	28.600	54.500	Đạt
11	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	18.296,0	20.239	5.100	20.239	Đạt
12	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng	%	12,2	10,02	12,02	10,02	Đạt
13	Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Triệu USD	2.204	> 1.400	1.450	>1.400	Đạt
II	Các chỉ tiêu xã hội						
14	Tạo việc làm mới	Lao động	46.393	45.000	20.502	45.000	Đạt
15	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	76,0	78,0		78,0	Đạt
16	Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia	%	69,19	71,08	71,08	71,89	Vượt KH
17	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của tỉnh	%	1,62	<1,5	1,56	<1,5	Đạt
18	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể cân nặng)	%	7,9	7,80	7,80	7,80	Đạt
19	Tỷ lệ bác sỹ trên 1 vạn dân	Bác sỹ	7,46	7,4	7,5	7,5	Đạt

	Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	KH năm 2019	6 tháng 2019	Ước TH 2019	So với KH 2019
20	Số giường bệnh trên 1 vạn dân (không tính giường bệnh Trạm y tế/ Phòng khám đa khoa/Phòng khám đa khoa khu vực)	Giường	23,0	23,0	22,4	23,0	Đạt
21	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	87,95	89,0	86,19	89,0	Đạt
22	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ² /người	27,7	28,9		28,9	Đạt
23	Tỷ lệ xã, phường có thiết chế văn hóa	%		55	58,2	58,2	Vượt KH
III	Các chỉ tiêu môi trường						
24	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,4	99,7	99,85	99,7	Đạt
26	Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch	%	99,6	99,6		99,6	Đạt
30	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	100,0	100,0	100,0	100,0	Đạt
27	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý	%	96,0	98,0	98,0	98,0	Đạt
28	Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý	%	100,0	100,0	100,0	100,0	Đạt
29	Tỷ lệ các khu công nghiệp đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường.	%	100,0	100,0	100,0	100,0	Đạt
25	Tỷ lệ che phủ cây công nghiệp, cây lâu năm	%	57,3	57,4		57,4	Đạt
31	Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện	%	99,99	99,99	99,998	99,99	Đạt

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo báo cáo số 195/BC-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Dương)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu Nghị Quyết 2016-2020	Thực hiện							Ước cả Nhiệm kỳ	
				2015	2016	2017	2018	6 tháng 2019	2019	Tăng BQ 2016-2019	Tăng BQ 2016-2020	Đạt/Không
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ											
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế:											
	Tăng trưởng GRDP (giá SS 2010)	%	8,30	8,32	8,56	9,15	8,68	8,09	8,50	8,7	8,60	Đạt
2	Cơ cấu kinh tế											
	- Ngành nông, lâm, thủy sản	%	3,0	4,6	4,3	3,7	3,1		3,2	-	-	
	- Ngành công nghiệp - xây dựng	%	63,2	62,6	63,0	63,8	63,9		63,7	-	-	
	- Ngành dịch vụ	%	26,0	23,3	23,4	23,6	23,9		25,0	-	-	
	- Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	7,8	9,5	9,3	8,9	9,1		8,1	-	-	
3	Tốc độ tăng Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản theo giá 2010	%	4,0	3,5	3,9	3,7	3,6	3,5	4,0	3,8	3,5 - 4	Đạt
4	Chỉ số phát triển Công nghiệp (IIP)	%	8,7	109,3	9,2	9,8	9,8	8,08	9,5	9,6	-	Đạt
5	Phát triển dịch vụ											
	Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu (*)	%	15,0	4,8	3,3	13,5	9,7	13,5	15,5	9,0		Chưa đạt
	Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu (*)	%	15,5	3,0	4,0	21,2	8,3	7,1	15,0	10,2		Chưa đạt
	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa	%	18,0	14,1	15,3	15,6	15,9	15,8	18,0	16,2		Chưa đạt
6	Thu Chi ngân sách											
-	Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không bao gồm số bổ sung từ NSTW)	Tỷ đồng		36.561	40.198	46.070	50.369	28.600	54.500	-	-	
	Tốc độ tăng thu ngân sách	%	8-9	15,20	9,9	14,6	9,3	16,0	8,2	10,5	11,3	Đạt
-	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng		12.873	14.128	15.000	18.296	5.100	20.239	-	-	
	Tốc độ tăng chi ngân sách	%	7-8	1,50	9,70	6,20	13,3	8,0	10,6	12,0	9,0	Đạt
7	Tốc độ tăng tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	%	11,0	11,1	11,5	11,6	12,2	12,02	10,02	11,3	11,4	Đạt
8	Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Triệu USD	>7.000	3.287,4	2.338,6	2.808,0	2.204,0	1.450,0	>1.400		> 7.000	Đạt
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI											
1	GRDP đầu người	Triệu đồng	142,6	101,97	109,55	119,75	130,8		140,6		142,6	Đạt
2	Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia	%	70-75	57,84	61,1	66,2	70,81	71,08	71,89		70-75	Đạt
3	Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm	Người	45.000,0	46.500	49.106	48.358	46.393	20.502	45.000	47.214	47.000	Đạt
4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	80,0	70,0	72,0	74,0	76,0		78,0		80,0	Đạt
5	Tỷ lệ xã phường có thiết chế văn hóa	%	70-80	36,2	38,4	48,3	50,5	58,2	58,2		70-80	Đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu Nghị Quyết 2016-2020	Thực hiện							Ước cả Nhiệm kỳ	
				2015	2016	2017	2018	6 tháng 2019	2019	Tăng BQ 2016-2019	Tăng BQ 2016-2020	Đạt/Không
6	Số giường bệnh/1 vạn dân	Giường	27,0	22,7	22,9	22,7	23,0	22,4	23,0		23,4	Chưa đạt
7	Số bác sĩ/1 vạn dân	Bác sĩ	>7,5	6,8	6,80	7,01	7,46	7,50	7,50		>7,5	Đạt
9	Tỷ lệ hộ nghèo	%	<1	0,6	1,32	1,09	1,62	1,56	<1,5		0,9	Đạt
10	Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện	%	99,97	100,0	99,99	99,99	99,99	99,998	99,99		99,99	Đạt
11	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ²	30,0	23,5	25,0	26,4	27,7		28,9		30,0	Đạt
12	Xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100,0	65,3	85,7	93,9	100,0	100,0	100,0		100,0	Đạt
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG											
1	Tỷ lệ độ che phủ rừng, cây lâm nghiệp và lâu năm	%	57,5	57,0	57,1	57,2	57,3		57,4		57,5	Đạt
2	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý	%	90,0	90,0	93,0	94,0	96,0	98,0	98,0		100,0	Đạt
3	Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0		100,0	Đạt
4	Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch	%	100,0	99,0	99,0	99,4	99,8		99,6		100,0	Đạt
5	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100,0	98,0	98,5	99,0	99,4	99,9	99,7		100,0	Đạt

(*) Tổng Cục Hải quan công bố số liệu sau khi xây dựng Văn kiện Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ X